HIỆP ĐỊNH
VỀ
DẪN ĐỘ
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CỘNG HÒA PHÁP

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp, sau đây gọi là "các Bên",

Mong muốn thiết lập hợp tác hiệu quả hơn giữa hai nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm,

Tuân thủ các nguyên tắc của pháp luật quốc tế và tôn trọng các nguyên tắc hiến định của mỗi Bên,

Đã thỏa thuận các quy định dưới đây:

Điều 1

Nghĩa vụ dẫn độ

Các Bên cam kết chuyển giao cho nhau, theo quy định của Hiệp định này, bất cứ người nào đang có mặt trên lãnh thổ của một trong các Bên, bị các cơ quan tư pháp của Bên kia truy tố vì đã thực hiện một tội phạm hoặc truy nã để thi hành hình phạt tù đối với một hành vi có thể bị dẫn độ.

Điều 2

Các hành vi có thể bị dẫn độ

1. Các hành vi có thể bị dẫn độ là các hành vi bị xử phạt tù từ một năm trở lên hoặc nặng hơn theo pháp luật của Bên yêu cầu và Bên được yêu cầu.

2. Ngoài ra, nếu việc dẫn độ được yêu cầu nhằm thi hành một hình phạt tù được tuyên bởi cơ quan tư pháp có thẩm quyền của Bên yêu cầu, thời hạn chấp hành hình phạt còn lại ít nhất phải là sáu tháng.

3. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều hành vi khác nhau mà mỗi hành vi đều có thể bị xử phạt theo pháp luật của hai Bên nhưng một số hành vi không đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này thì Bên được yêu cầu cũng có thể đồng ý dẫn độ đối với các hành vi đó.

4. Đối với các tội phạm trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, hải quan và ngoại hối, việc dẫn độ được thực hiện theo quy định của Hiệp định này.

Điều 3

Các trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ

Việc dẫn độ không được thực hiện:

a) Đối với các tội phạm được Bên được yêu cầu xác định là tội phạm chính trị hoặc hành vi liên quan đến tội phạm chính trị;

b) Trong trường hợp Bên được yêu cầu có lý do xác đáng để cho rằng việc dẫn độ được yêu cầu nhằm mục đích truy tố hoặc trừng phạt một người vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch hoặc chính kiến, hoặc tình trạng của người đó có nguy cơ bị trầm trọng hơn vì một trong các lý do này;

c) Trong trường hợp đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt theo quy định pháp luật của Bên được yêu cầu. Các hành vi được thực hiện trên lãnh thổ của Bên yêu cầu nhằm tạm đình chỉ hoặc đình chỉ thời hiệu được Bên được yêu cầu xem xét nếu pháp luật của Bên này cho phép;

d) Trong trường hợp tội phạm bị yêu cầu dẫn độ được Bên được yêu cầu xác định là tội phạm chỉ mang tính chất quân sự;

e) Trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ sẽ bị xét xử tại Bên yêu cầu bởi một tòa án không đáp ứng các bảo đảm cơ bản về thủ tục hoặc trong trường hợp việc dẫn độ được yêu cầu để thi hành một hình phạt do tòa án đó tuyên;

f) Trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã bị xét xử ở Bên được yêu cầu mà bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên có tội, tuyên không có tội, hoặc có một quyết định đại xá hoặc đặc xá, về tội phạm hoặc các tội phạm bị yêu cầu dẫn độ.

g) Trong trường hợp hình phạt có thể bị áp dụng theo pháp luật của Bên yêu cầu về những hành vi bị yêu cầu dẫn độ là tử hình, trừ trường hợp Bên yêu cầu cung cấp đảm bảo chắc chắn rằng hình phạt tử hình sẽ không bị áp dụng, tuyên án hay thi hành.

Điều 4

Các trường hợp có thể từ chối dẫn độ

Có thể từ chối dẫn độ:

a) Trong trường hợp, theo pháp luật của Bên được yêu cầu, các cơ quan tư pháp của Bên này có thẩm quyền xét xử tội phạm bị yêu cầu dẫn độ;

b) Trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ bị truy tố ở Bên được yêu cầu, về tội phạm hoặc các tội phạm bị yêu cầu dẫn độ, hoặc trong trường hợp các cơ quan tư pháp của Bên được yêu cầu đã quyết định, theo thủ tục tố tụng phù hợp với pháp luật nước mình, không truy tố hoặc chấm dứt việc truy tố đã tiến hành với tội phạm hoặc các tội phạm đó;

c) Trong trường hợp tội phạm bị yêu cầu dẫn độ được thực hiện ngoài lãnh thổ của Bên yêu cầu và pháp luật của Bên được yêu cầu không cho phép truy tố tội phạm đó được thực hiện ngoài lãnh thổ của mình;

d) Trong trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ đã bị xét xử bởi một bản án có hiệu lực pháp luật tuyên có tội hoặc không có tội ở một nước thứ ba về tội phạm hoặc các tội phạm bị yêu cầu dẫn độ.

e) Vì những lý do nhân đạo, trong trường hợp việc chuyển giao người bị yêu cầu dẫn độ có thể gây ra cho người đó những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, chủ yếu do tuổi tác hoặc tình trạng sức khỏe.

Điều 5

Dẫn độ công dân

1. Việc dẫn độ không được thực hiện nếu người bị yêu cầu dẫn độ có quốc tịch của Bên được yêu cầu. Quốc tịch được xác định vào ngày thực hiện tội phạm bị yêu cầu dẫn độ.

2. Nếu việc dẫn độ bị từ chối chỉ căn cứ vào quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ thì Bên được yêu cầu, theo quy định pháp luật của nước mình và theo tố cáo của Bên yêu cầu về hành vi phạm tội, phải chuyển vụ việc cho các cơ quan có thẩm quyền của nước mình để tiến hành thủ tục tố tụng hình sự, nếu cần thiết. Nhằm mục đích đó, các tài liệu, báo cáo và đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội được chuyển miễn phí theo phương thức quy định tại Điều 8 Hiệp định này và Bên yêu cầu được thông tin về việc xử lý yêu cầu của mình.

Điều 6

Áp dụng pháp luật của Bên được yêu cầu đối với thủ tục

Trừ trường hợp Hiệp định này có quy định khác, pháp luật của Bên được yêu cầu là hệ thống pháp luật duy nhất được áp dụng đối với thủ tục bắt khẩn cấp, dẫn độ và quá cảnh.

Điều 7

Cơ quan trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định một cơ quan trung ương

a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan trung ương là Bộ Công an;

b) Đối với Cộng hòa Pháp, cơ quan trung ương là Bộ Tư pháp.

2. Các Bên thông báo cho nhau về mọi thay đổi liên quan đến các cơ quan trung ương quy định tại khoản 1 Điều này qua kênh ngoại giao.

Điều 8

Chuyển yêu cầu và giấy tờ, tài liệu cần xuất trình

1. Yêu cầu dẫn độ và mọi giấy tờ, tài liệu trao đổi sau đó được chuyển qua đường ngoại giao.

2. Yêu cầu dẫn độ phải bằng văn bản và kèm theo:

a) Trong mọi trường hợp:

(i) tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu dẫn độ và tên, địa chỉ của cơ quan được yêu cầu dẫn độ;

(ii) tài liệu mô tả các hành vi bị yêu cầu dẫn độ, nêu thời gian, địa điểm thực hiện hành vi, tính chất pháp lý của các hành vi và dẫn chiếu các quy định pháp luật được áp dụng đối với các hành vi đó, bao gồm cả các quy định về thời hiệu;

(iii) nội dung các quy định pháp luật áp dụng đối với tội phạm hoặc các tội phạm bị yêu cầu dẫn độ, các hình phạt tương ứng và thời hiệu, và trong trường hợp tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ của Bên yêu cầu, nội dung các quy định pháp luật hoặc quy định của điều ước quốc tế trao thẩm quyền cho Bên đó;

(iv) tài liệu mô tả đặc điểm nhận dạng cụ thể của người bị yêu cầu dẫn độ (nếu có) và mọi thông tin khác nhằm xác định danh tính, quốc tịch và nếu có thể, nơi lưu trú của người đó.

b) Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự, bản gốc hoặc bản sao xác thực lệnh bắt của cơ quan tư pháp có thẩm quyền của Bên yêu cầu;

c) Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ nhằm thi hành hình phạt tù, bản gốc hoặc bản sao xác thực của bản án kết tội có hiệu lực thi hành và quyết định về mức hình phạt được tuyên và thời hạn chấp hành hình phạt còn lại.

Điều 9

Bổ sung thông tin

Nếu thông tin hoặc tài liệu được Bên yêu cầu cung cấp không đủ để cho phép Bên được yêu cầu ra quyết định theo quy định của Hiệp định này, hoặc nếu các thông tin, tài liệu đó không hợp lệ thì Bên được yêu cầu đề nghị bổ sung các thông tin cần thiết hoặc thông báo cho Bên yêu cầu các nội dung còn thiếu hoặc không hợp lệ để chỉnh sửa. Bên được yêu cầu có thể ấn định thời hạn để cung cấp các thông tin bổ sung hoặc chỉnh sửa các nội dung không hợp lệ.

Điều 10

Ngôn ngữ sử dụng và xác thực tài liệu

1. Các yêu cầu dẫn độ và giấy tờ, tài liệu cần xuất trình được soạn thảo bằng ngôn ngữ chính thức của Bên yêu cầu và kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu.

2. Các yêu cầu dẫn độ và giấy tờ, tài liệu kèm theo phải có chữ ký và dấu của cơ quan yêu cầu hoặc được xác nhận bởi cơ quan này. Các tài liệu này được miễn mọi thủ tục hợp pháp hóa.

Điều 11

Quyết định và chuyển giao

1. Bên được yêu cầu thông báo trong thời hạn sớm nhất cho Bên yêu cầu quyết định của mình về việc dẫn độ..

2. Mọi quyết định từ chối dẫn độ toàn bộ hoặc một phần đều phải nêu lý do.

3. Trong trường hợp chấp nhận dẫn độ, các Bên thỏa thuận về thời gian và địa điểm chuyển giao người bị dẫn độ. Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu thời hạn đã giam giữ đối với người bị dẫn độ nhằm thực hiện việc dẫn độ.

4. Không ảnh hưởng đến quy định tại khoản 5 Điều này, nếu người bị dẫn độ không được tiếp nhận trong thời hạn bốn mươi lăm ngày kể từ ngày

được ấn định cho việc chuyển giao thì phải được trả tự do và sau đó, Bên được yêu cầu có thể từ chối dẫn độ người đó đối với cùng hành vi.

5. Trong trường hợp bất khả kháng cản trở việc chuyển giao hoặc tiếp nhận người bị dẫn độ, Bên bị bất khả kháng thông báo cho Bên kia. Hai Bên thỏa thuận thời gian mới để chuyển giao người bị dẫn độ và các quy định của khoản 4 Điều này được áp dụng.

Điều 12

Hoãn dẫn độ hoặc dẫn độ tạm thời

1. Sau khi chấp nhận dẫn độ, Bên được yêu cầu có thể hoãn dẫn độ người bị dẫn độ trong trường hợp người này đang bị tiến hành một thủ tục tố tụng hoặc đang chấp hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, một hình phạt đối với một tội phạm khác, cho đến khi kết thúc quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự đó hoặc cho đến khi thi hành xong hình phạt đã được tuyên.

2. Thay vì hoãn dẫn độ người bị dẫn độ, nếu cần thiết tùy điều kiện cụ thể, Bên được yêu cầu có thể dẫn độ tạm thời người bị yêu cầu cho Bên yêu cầu theo các điều kiện do các Bên thỏa thuận và trong mọi trường hợp, với điều kiện rõ ràng là người bị dẫn độ sẽ tiếp tục bị giam và được trao trả lại.

3. Việc chuyển giao người bị dẫn độ cũng có thể bị hoãn nếu, do tình trạng sức khỏe của người bị dẫn độ, việc chuyển giao có thể gây nguy hiểm cho tính mạng hoặc làm trầm trọng hơn tình trạng của người đó.

4. Nếu Bên được yêu cầu quyết định hoãn chuyển giao người bị dẫn độ thì phải thông báo cho Bên yêu cầu và thực hiện mọi biện pháp cần thiết để việc hoãn không gây cản trở việc chuyển giao người bị dẫn độ cho Bên yêu cầu.

Điều 13

Chuyển giao tài sản

1. Theo yêu cầu của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu thu giữ và chuyển giao, trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, các vật, giá trị hoặc tài liệu:

a) Có thể sử dụng làm vật chứng; hoặc

b) Do phạm tội mà có và được tìm thấy vào thời điểm bị bắt mà người bị dẫn độ đang sở hữu, hoặc được phát hiện sau đó.

2. Việc chuyển giao tài sản quy định tại khoản 1 Điều này vẫn được thực hiện trong trường hợp việc dẫn độ đã được cho phép không thể thực hiện được do người bị dẫn độ chết, mất tích hoặc bỏ trốn.

3. Trong trường hợp các tài sản quy định ở trên có thể bị thu giữ hoặc tịch thu trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, Bên này có thể, nhằm phục vụ thủ tục tố tụng đang tiến hành, bảo quản tạm thời hoặc chuyển giao các tài sản đó kèm theo điều kiện trả lại tài sản.

4. Các quy định của Điều này không ảnh hưởng đến các quyền của Bên được yêu cầu hoặc các bên thứ ba đối với các tài sản đó. Nếu các quyền đó tồn tại, Bên yêu cầu trả lại trong thời hạn sớm nhất và miễn phí việc chuyển các tài sản này cho Bên được yêu cầu sau khi kết thúc thủ tục tố tụng.

Điều 14

Quy tắc đặc biệt

1. Người bị dẫn độ theo quy định của Hiệp định này sẽ không bị truy tố, xét xử, giam giữ ở Bên yêu cầu, cũng không phải chịu bất kỳ hạn chế nào về quyền tự do cá nhân của mình, đối với một hành vi xảy ra trước khi được chuyển giao mà không phải là hành vi là căn cứ dẫn độ, trừ các trường hợp dưới đây:

a) Trường hợp Bên đã chuyển giao người bị dẫn độ đồng ý. Nhằm mục đích này, phải đưa ra yêu cầu kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 8 Hiệp định này và biên bản lấy lời khai của người bị dẫn độ, đặc biệt nêu rõ người đó chấp nhận hay phản đối việc mở rộng phạm vi dẫn độ. Sự đồng ý nêu trên chỉ có thể được thực hiện nếu tội phạm liên quan thuộc trường hợp có thể bị dẫn độ theo quy định của Hiệp định này;

b) Trường hợp mặc dù có khả năng rời khỏi lãnh thổ của Bên được chuyển giao người bị dẫn độ, người bị dẫn độ đã không rời lãnh thổ đó trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày được trả tự do hoặc đã quay trở lại nước đó sau khi rời đi.

2. Tuy nhiên, Bên yêu cầu có thể thực hiện các biện pháp cần thiết để trao trả lại từ lãnh thổ của nước mình, nếu cần, hoặc đình chỉ thời hiệu, theo quy định pháp luật của nước mình, kể cả việc áp dụng thủ tục vắng mặt.

3. Trong trường hợp việc xác định tội danh theo đó một người đã bị dẫn độ thay đổi trong quá trình tố tụng, người này chỉ có thể bị truy tố hoặc xét xử nếu tội phạm được xác định tội danh mới:

a) Có thể bị dẫn độ theo quy định của Hiệp định này;

b) Liên quan đến cùng các hành vi như tội phạm đã bị dẫn độ;

c) Không bị xử phạt tử hình ở Bên yêu cầu, trong trường hợp này khoản g Điều 3 Hiệp định này được áp dụng.

Điều 15

Dẫn độ lại sang nước thứ ba

Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Hiệp định này, việc dẫn độ lại sang một nước thứ ba không thể được thực hiện mà không có sự đồng ý của Bên đã đồng ý dẫn độ. Bên này có thể yêu cầu cung cấp các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 8 Hiệp định này, cũng như biên bản lấy lời khai theo đó người bị dẫn độ tuyên bố chấp nhận hay phản đối việc dẫn độ lại.

Điều 16

Bắt khẩn cấp

1. Trong trường hợp khẩn cấp, các cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu có thể yêu cầu bắt khẩn cấp người bị yêu cầu dẫn độ.

2. Yêu cầu bắt khẩn cấp phải bằng văn bản, nêu rõ có một trong số các giấy tờ thay thế quy định tại các điểm b và c Điều 8 Hiệp định này và cho biết ý định gửi yêu cầu dẫn độ. Văn bản này cũng nêu rõ tội phạm bị yêu cầu dẫn độ, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh thực hiện tội phạm cũng như tất cả các thông tin cần thiết cho phép xác định danh tính, quốc tịch và nơi lưu trú của người bị truy nã.

3. Yêu cầu bắt khẩn cấp được chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu, hoặc bằng đường ngoại giao, hoặc thông qua Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol), hoặc bằng bất kỳ phương thức nào thể hiện dưới dạng văn bản và được các Bên chấp thuận.

4. Ngay sau khi nhận được yêu cầu tại khoản 1 Điều này, các cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu phải xử lý theo quy định pháp luật nước mình. Bên yêu cầu được thông báo về việc xử lý yêu cầu đó.

5. Việc bắt khẩn cấp chấm dứt nếu trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày bắt, Bên được yêu cầu không nhận được yêu cầu dẫn độ và các giấy tờ, tài liệu quy định tại các điểm b và c Điều 8 Hiệp định này. Việc trả tự do cho người bị bắt khẩn cấp có thể thực hiện vào bất kỳ thời điểm nào nhưng Bên được yêu cầu phải có trách nhiệm thực hiện mọi biện pháp cần thiết, nếu cần, để tránh việc người này bỏ trốn.

6. Việc trả tự do theo quy định tại khoản 5 Điều này không ngăn cản việc bắt lại và dẫn độ người đó nếu yêu cầu dẫn độ chính thức và các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 8 Hiệp định này được chuyển đến sau đó.

Điều 17

Thông báo kết quả

Theo yêu cầu của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu thông báo cho Bên được yêu cầu kết quả việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bị dẫn độ, việc thi hành hình phạt hoặc việc dẫn độ lại người đó sang nước thứ ba.

Điều 18

Quá cảnh

1. Trường hợp một người không phải là công dân của một trong các Bên, quá cảnh trên lãnh thổ của Bên đó và được một nước thứ ba chuyển giao cho Bên kia thì việc quá cảnh đó được cho phép trên cơ sở xuất trình qua đường ngoại giao một trong các tài liệu thay thế quy định tại Điều 8 Hiệp định này, với điều kiện không trái với các quy định trật tự công hoặc không phải là các tội phạm không thể bị dẫn độ theo quy định tại Điều 3 Hiệp định này.

2. Việc quá cảnh cũng có thể bị từ chối trong tất cả các trường hợp từ chối dẫn độ khác.

3. Trách nhiệm giữ người thuộc về các cơ quan của Bên quá cảnh cho đến khi người đó còn ở trên lãnh thổ của Bên này.

4. Trường hợp sử dụng đường hàng không thì áp dụng các quy định sau đây:

a) Nếu không dự định hạ cánh, Bên yêu cầu thông báo cho Bên mà máy bay bay qua lãnh thổ của Bên đó và xác nhận có một trong các tài liệu thay thế quy định tại Điều 8 Hiệp định này. Trong trường hợp hạ cánh ngẫu nhiên, thông báo này có giá trị như yêu cầu bắt khẩn cấp quy định tại Điều 16 Hiệp định này và Bên yêu cầu xin quá cảnh hợp lệ;

b) Nếu dự định hạ cánh thì Bên yêu cầu gửi yêu cầu xin quá cảnh hợp lệ.

Điều 19

Nhiều yêu cầu dẫn độ

Nếu đồng thời có yêu cầu dẫn độ của một trong các Bên và các quốc gia khác đối với cùng một hành vi hoặc đối với các hành vi khác nhau thì Bên được yêu cầu xem xét giải quyết tùy thuộc hoàn cảnh và đặc biệt là tính chất

nghiêm trọng của tội phạm cũng như địa điểm thực hiện tội phạm, ngày tháng của các yêu cầu dẫn độ, quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ và khả năng dẫn độ sang một quốc gia khác sau đó.

Điều 20

Chi phí

1. Các chi phí phát sinh từ việc dẫn độ trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu do Bên này chi trả cho tới khi chuyển giao người bị dẫn độ.

2. Các chi phí phát sinh từ việc quá cảnh trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho quá cảnh do Bên yêu cầu chi trả.

3. Nếu trong quá trình thực hiện một yêu cầu dẫn độ thấy rằng cần có chi phí đột xuất nhằm đáp ứng yêu cầu dẫn độ thì các Bên tham khảo ý kiến của nhau để xác định phương thức và điều kiện có thể tiếp tục thực hiện yêu cầu đó.

Điều 21

Quan hệ với các điều ước quốc tế khác

Hiệp định này không phương hại đến các quyền và cam kết của mỗi Bên phát sinh từ các điều ước quốc tế khác.

Điều 22

Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hoặc giải thích Hiệp định này được giải quyết bằng tham vấn qua đường ngoại giao.

Điều 23

Áp dụng về thời gian

Hiệp định này được áp dụng đối với mọi yêu cầu dẫn đội được đưa ra sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả khi tội phạm liên quan được thực hiện trước đó.

Điều 24

Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Mỗi Bên thông báo cho Bên kia việc thực hiện các thủ tục cần thiết theo nội luật của mình để Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng của các thông báo nêu trên.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao. Trong trường hợp này, Hiệp định chấm dứt hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ sáu kể từ ngày nhận được thông báo đó. Các yêu cầu dẫn độ đã nhận được trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực vẫn được xử lý theo quy định của Hiệp định.

LÀM tại Hà Nội, ngày 06/9/2016, thành hai bản, tiếng Việt và tiếng Pháp, hai văn bản này có giá trị như nhau.

Thay mặt **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**	**Thay mặt** **Cộng hòa Pháp**
- **LÊ QUÝ VƯƠNG** **THỨ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**	**ANDRE VALLINI** **QUỐC VỤ KHANH BỘ NGOẠI GIAO VÀ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ**

TRAITE D'EXTRADITION
ENTRE
LA REPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM
ET
LA REPUBLIQUE FRANCAISE

La République socialiste du Viet Nam et la République française, ci-après dénommées « les Parties »,

Désireux d'établir une coopération plus efficace entre les deux pays dans la lutte contre la criminalité,

S'inspirant des principes du droit international et dans le respect de leurs principes constitutionnels respectifs,

Sont convenues des dispositions suivantes :

Article 1
Obligation d'extrader

Les Parties s'engagent à se livrer réciproquement, selon les dispositions du présent Traité, toute personne qui, se trouvant sur le territoire de l'une des Parties, est poursuivie pour une infraction pénale ou recherchée aux fins d'exécution d'une peine privative de liberté, par les autorités judiciaires de l'autre Partie, pour un fait donnant lieu à extradition.

Article 2
Faits donnant lieu à extradition

1. Donnent lieu à extradition les faits punis par les lois de la Partie requérante et de la Partie requise d'une peine privative de liberté d'un maximum d'au moins un an ou d'une peine plus sévère.
2. En outre, si l'extradition est demandée aux fins d'exécution d'une peine privative de liberté prononcée par l'autorité judiciaire compétente de la Partie requérante, la durée de la peine restant à exécuter doit être d'au moins six mois.

3. Si la demande d'extradition vise plusieurs faits distincts punis chacun par la législation des deux Parties, mais dont certains ne remplissent pas les conditions prévues par les paragraphes 1 et 2 du présent article, la Partie requise peut également accorder l'extradition pour ces faits.
4. Pour les infractions en matière de taxes, d'impôts, de douane et de change, l'extradition est accordée dans les conditions prévues par le présent Traité.

Article 3
Motifs obligatoires de refus d'extradition

L'extradition n'est pas accordée :

a) Pour les infractions considérées par la Partie requise comme des infractions politiques ou comme des faits connexes à de telles infractions ;
b) Lorsque la Partie requise a des raisons sérieuses de croire que l'extradition a été demandée aux fins de poursuivre ou de punir une personne pour des considérations de race, de religion, de nationalité ou d'opinions politiques, ou que la situation de cette personne risque d'être aggravée pour l'une ou l'autre de ces raisons ;
c) Lorsque l'action publique ou la peine sont prescrites conformément à la législation de la Partie requise. Les actes effectués dans la Partie requérante qui ont pour effet d'interrompre ou de suspendre la prescription sont pris en compte par la Partie requise, dans la mesure où sa législation le permet ;
d) Lorsque l'infraction pour laquelle l'extradition est demandée est considérée par la Partie requise comme une infraction exclusivement militaire ;
e) Lorsque la personne réclamée serait jugée dans la Partie requérante par un tribunal n'offrant pas les garanties fondamentales de procédure ou lorsque l'extradition est demandée pour l'exécution d'une peine infligée par un tel tribunal ;
f) Lorsque la personne réclamée a fait l'objet dans la Partie requise d'un jugement définitif de condamnation, de relaxe ou d'acquittement, d'une amnistie ou d'une mesure de grâce, pour l'infraction ou les infractions à raison desquelles l'extradition est demandée ;

g) Lorsque l'infraction pour laquelle l'extradition est demandée est punie de la peine de mort conformément à la législation de la Partie requérante, sauf à ce que la Partie requérante donne les garanties jugées suffisantes par la Partie requise que cette peine ne sera ni requise, ni prononcée, ni exécutée.

Article 4
Motifs facultatifs de refus d'extradition

L'extradition peut être refusée :

a) Lorsque, conformément à la législation de la Partie requise, les autorités judiciaires de celle-ci ont compétence pour connaître de l'infraction pour laquelle l'extradition est demandée ;
b) Lorsque la personne réclamée a fait l'objet, dans la Partie requise, de poursuites pour la ou les infractions à raison desquelles l'extradition est demandée ou lorsque les autorités judiciaires de la Partie requise ont, selon les procédures conformes à la législation de cette Partie, décidé de ne pas engager de poursuites ou de mettre fin aux poursuites qu'elles ont exercées pour la ou les mêmes infractions ;
c) Lorsque l'infraction pour laquelle l'extradition est demandée a été commise hors du territoire de la Partie requérante et que la législation de la Partie requise n'autorise pas la poursuite de la même infraction commise hors de son territoire ;
d) Lorsque la personne réclamée a fait l'objet d'un jugement définitif de condamnation, de relaxe ou d'acquittement dans un Etat tiers pour l'infraction ou les infractions à raison desquelles l'extradition est demandée ;
e) Pour des considérations humanitaires, lorsque la remise de la personne réclamée est susceptible d'avoir pour elle des conséquences d'une gravité exceptionnelle, notamment en raison de son âge ou de son état de santé.

Article 5
Extradition des nationaux

1. L'extradition n'est pas accordée si la personne réclamée a la nationalité de la Partie requise. La nationalité est déterminée à la date de la commission de l'infraction pour laquelle l'extradition est demandée.

2. Si l'extradition est refusée uniquement sur la base de la nationalité de la personne réclamée, la Partie requise doit, conformément à sa législation et sur dénonciation des faits par la Partie requérante, soumettre l'affaire à ses autorités compétentes pour l'exercice de l'action pénale, s'il y a lieu. A cet effet, les documents, rapports et objets concernant l'infraction sont adressés gratuitement par la voie prévue à l'article 8 du présent Traité et la Partie requérante est informée de la suite réservée à sa demande.

Article 6
Application de la loi de la Partie requise à la procédure

Sauf disposition contraire du présent Traité, la législation de la Partie requise est seule applicable aux procédures d'arrestation provisoire, d'extradition et de transit.

Article 7
Autorités centrales

1. Chaque Partie désigne une autorité centrale :

a) Pour la République socialiste du Viet Nam, l'autorité centrale est le Ministère de la Sécurité publique ;

b) Pour la République française, l'autorité centrale est le Ministère de la Justice.

2. Les Parties s'informent mutuellement par la voie diplomatique de tout changement intervenant dans les Autorités centrales visées au paragraphe 1 du présent article.

Article 8
Transmission des demandes et pièces à produire

1. La demande d'extradition et toutes correspondances ultérieures sont transmises par la voie diplomatique.
2. La demande d'extradition est formulée par écrit et accompagnée :

a) Dans tous les cas :

(i) du nom et de l'adresse de l'autorité requérante et du nom et de l'adresse de l'autorité requise ;

(ii) d'un exposé des faits pour lesquels l'extradition est demandée mentionnant la date et le lieu de leur commission, leur qualification juridique et les références des dispositions légales qui leur sont applicables, y compris celles relatives à la prescription ;

(iii) du texte des dispositions légales applicables à l'infraction ou aux infractions pour lesquelles l'extradition est demandée, aux peines correspondantes et aux délais de prescription et, lorsqu'il s'agit d'infractions commises hors du territoire de la Partie requérante, le texte des dispositions légales ou conventionnelles attribuant compétence à ladite Partie ;

(iv) du signalement aussi précis que possible de la personne réclamée et de tous autres renseignements de nature à déterminer son identité, sa nationalité et, si possible, sa localisation.

b) Dans le cas d'une demande d'extradition aux fins de poursuites pénales, de l'original ou de l'expédition authentique du mandat d'arrêt délivré par l'autorité judiciaire compétente de la Partie requérante ;
c) Dans le cas d'une demande d'extradition aux fins d'exécution d'une peine privative de liberté, de l'original ou de l'expédition authentique de la décision de condamnation exécutoire et d'une déclaration relative au quantum de la peine prononcée et au reliquat de la peine restant à exécuter.

Article 9
Compléments d'informations

Si les informations ou documents communiqués par la Partie requérante se révèlent insuffisants pour permettre à la Partie requise de prendre une décision en application du présent Traité, ou si elles présentent des irrégularités, la Partie requise demande le complément d'informations nécessaire ou porte à la connaissance de la Partie requérante les omissions ou irrégularités à réparer. La Partie requise peut fixer un délai pour l'obtention

des informations complémentaires ou la rectification des irrégularités relevées.

Article 10

Langue à employer et authentification des documents

1. Les demandes d'extradition et les pièces à produire sont rédigées dans la langue officielle de la Partie requérante et accompagnées d'une traduction dans la langue officielle de la Partie requise.
2. Les demandes d'extradition et les pièces les accompagnant doivent être revêtues de la signature et du sceau de l'autorité requérante ou authentifiées par cette autorité. Ces documents sont dispensés de toute formalité de légalisation.

Article 11

Décision et remise

1. La Partie requise fait connaître dans les meilleurs délais à la Partie requérante sa décision sur l'extradition.
2. Tout rejet, complet ou partiel, est motivé.
3. En cas d'acceptation, les Parties conviennent de la date et du lieu de la remise de la personne réclamée. La Partie requise communique à la Partie requérante la durée de la détention subie par la personne réclamée en vue de son extradition.
4. Sans préjudice des dispositions du paragraphe 5 du présent article, si la personne réclamée n'est pas reçue dans un délai de quarante-cinq jours à compter de la date fixée pour sa remise, elle doit être mise en liberté et la Partie requise peut, par la suite, refuser son extradition pour les mêmes faits.
5. En cas de force majeure empêchant la remise ou la réception de la personne à extrader, la Partie affectée en informe l'autre Partie. Les deux Parties conviennent d'une nouvelle date pour la remise et les dispositions du paragraphe 4 du présent article sont applicables.

Article 12

Remise ajournée ou temporaire

1. La Partie requise peut, après avoir accepté l'extradition, ajourner la remise de la personne réclamée lorsqu'il existe des procédures en cours à son encontre ou lorsqu'elle purge, sur le territoire de la Partie requise, une peine

pour une infraction autre, jusqu'à la conclusion de la procédure concernée ou l'exécution de la peine qui lui a été infligée.

2. Au lieu d'ajourner la remise, la Partie requise peut, lorsque des circonstances particulières l'exigent, remettre temporairement la personne dont l'extradition a été accordée à la Partie requérante dans des conditions à déterminer d'un commun accord entre les Parties et, en tout cas, sous la condition expresse qu'elle sera maintenue en détention et renvoyée.

3. La remise peut également être différée lorsque, en raison de l'état de santé de la personne réclamée, le transfert est susceptible de mettre sa vie en danger ou d'aggraver son état.

4. Si la Partie requise décide d'ajourner la remise, elle en informe la Partie requérante et prend toutes les mesures nécessaires pour que l'ajournement n'empêche pas la remise de la personne réclamée à la Partie requérante.

Article 13
Remise de biens

1. A la demande de la Partie requérante, la Partie requise saisit et remet, dans la mesure permise par sa législation, les objets, valeurs ou documents :

a) Pouvant servir de pièces à conviction, ou

b) Qui, étant issus de l'infraction, ont été trouvés au moment de l'arrestation en la possession de la personne réclamée ou ont été découverts ultérieurement.

2. La remise des biens visés au paragraphe 1 du présent article est effectuée même dans le cas où l'extradition déjà autorisée n'a pu avoir lieu en raison du décès, de la disparition ou de l'évasion de la personne réclamée.

3. Lorsque lesdits biens sont susceptibles de saisie ou de confiscation sur le territoire de la Partie requise, cette dernière peut, aux fins d'une procédure pénale en cours, les conserver temporairement ou les remettre sous condition de restitution.

4. Les dispositions du présent article ne portent pas atteinte aux droits de la Partie requise ou des tiers sur ces biens. Si de tels droits existent, la Partie requérante restitue dans les meilleurs délais et sans frais ces biens à la Partie requise à l'issue de la procédure.

Article 14
Règle de la spécialité

1. La personne extradée en vertu du présent Traité ne sera ni poursuivie, ni jugée, ni détenue dans la Partie requérante, ni soumise à aucune restriction de sa liberté individuelle, pour un fait quelconque antérieur à la remise, autre que celui ayant motivé l'extradition, sauf dans les cas suivants :

a) Lorsque la Partie qui l'a livrée y consent. Une demande est présentée à cet effet, accompagnée des pièces prévues à l'article 8 du présent Traité et d'un procès-verbal judiciaire consignant les déclarations de la personne extradée, notamment si elle accepte l'extension de l'extradition ou si elle s'y oppose. Ce consentement ne peut être accordé que lorsque l'infraction pour laquelle il est demandé est de nature à donner lieu à extradition conformément au présent Traité ;

b) Lorsque, ayant eu la possibilité de quitter le territoire de la Partie à laquelle elle a été livrée, la personne extradée ne l'a pas quitté dans les soixante jours qui suivent sa libération définitive ou si elle y est retournée après l'avoir quitté.

2. Toutefois, la Partie requérante peut prendre les mesures nécessaires en vue d'un renvoi éventuel de son territoire ou d'une interruption de la prescription, conformément à sa législation, y compris le recours à une procédure par défaut.

3. Lorsque la qualification légale d'une infraction pour laquelle une personne a été extradée est modifiée au cours de la procédure, cette personne ne peut être poursuivie ou jugée que si l'infraction nouvellement qualifiée :

a) Peut donner lieu à extradition dans les conditions du présent Traité ;

b) Vise les mêmes faits que l'infraction pour laquelle elle a été accordée ;

c) N'est pas punissable de la peine capitale dans la Partie requérante, auquel cas l'article 3 paragraphe g du présent Traité s'applique de plein droit.

Article 15
Réextradition vers un Etat tiers

Sauf dans le cas prévu à l'article 14, paragraphe 1, alinéa b) du présent Traité, la réextradition au profit d'un Etat tiers ne peut être accordée sans le consentement de la Partie qui a accordé l'extradition. Cette Partie peut exiger la production des pièces prévues à l'article 8 du présent Traité, ainsi qu'un procès-verbal judiciaire par lequel la personne réclamée déclare si elle accepte la réextradition ou si elle s'y oppose.

Article 16
Arrestation provisoire

1. En cas d'urgence, les autorités compétentes de la Partie requérante peuvent demander l'arrestation provisoire de la personne réclamée.
2. Formulée par écrit, la demande d'arrestation provisoire indique l'existence d'une des pièces alternatives prévues aux alinéas b) et c) de l'article 8 du présent Traité et fait part de l'intention d'envoyer une demande d'extradition. Elle mentionne également l'infraction pour laquelle l'extradition est demandée, la date, le lieu et les circonstances de sa commission ainsi que tous les renseignements disponibles permettant d'établir l'identité, la nationalité et la localisation de la personne recherchée.
3. La demande d'arrestation provisoire est transmise aux autorités compétentes de la Partie requise, soit par la voie diplomatique, soit par l'intermédiaire de l'Organisation internationale de police criminelle (Interpol), soit par tout autre moyen laissant une trace écrite et agréé entre les Parties.
4. Dès réception de la demande visée au paragraphe 1 du présent article, les autorités compétentes de la Partie requise y donnent suite conformément à leur législation. La Partie requérante est informée de la suite donnée à sa demande.
5. L'arrestation provisoire prend fin si, dans un délai de soixante jours à compter de l'arrestation, la Partie requise n'a pas été saisie de la demande d'extradition et des pièces prévues aux alinéas b) et c) de l'article 8 du présent Traité. En tout état de cause, la mise en liberté de la personne réclamée est possible à tout moment, à charge pour la Partie requise de prendre, le cas échéant, toute mesure qu'elle estime nécessaire en vue d'éviter la fuite de cette personne.

6. La remise en liberté en application du paragraphe 5 du présent article ne s'oppose pas à une nouvelle arrestation et à l'extradition de la personne réclamée si la demande officielle d'extradition et les pièces visées à l'article 8 du présent Traité parviennent ultérieurement.

Article 17

Notification des résultats

A la demande de la Partie requise, la Partie requérante l'informe des résultats des poursuites pénales engagées contre la personne extradée, de l'exécution de sa peine ou de sa réextradition vers un Etat tiers.

Article 18

Transit

1. Le transit à travers le territoire de l'une des Parties d'une personne qui n'est pas ressortissante de cette Partie, remise à l'autre Partie par un Etat tiers, est accordé sur présentation, par la voie diplomatique, de l'un quelconque des documents alternatifs visés à l'article 8 du présent Traité, à condition que des raisons d'ordre public ne s'y opposent pas ou qu'il ne s'agisse pas d'infractions pour lesquelles l'extradition n'est pas accordée en vertu de l'article 3 du présent Traité.
2. Le transit peut également être refusé dans tous les autres cas de refus de l'extradition.
3. La garde de la personne incombe aux autorités de la Partie de transit tant qu'elle se trouve sur son territoire.
4. Dans les cas où la voie aérienne est utilisée, il est fait application des dispositions suivantes :

a) Lorsqu'aucun atterrissage n'est prévu, la Partie requérante avertit la Partie dont le territoire doit être survolé et atteste l'existence de l'un des documents alternatifs prévus à l'article 8 du présent Traité. Dans le cas d'atterrissage fortuit, cette notification produit les effets de la demande d'arrestation provisoire visée à l'article 16 du présent Traité et la Partie requérante adresse une demande régulière de transit ;

b) Lorsqu'un atterrissage est prévu, la Partie requérante adresse une demande régulière de transit.

Article 19

Concours de demandes

Si l'extradition est demandée concurremment par l'une des Parties et par d'autres Etats, que ce soit pour le même fait ou pour des faits différents, la Partie requise statue en tenant compte de toutes circonstances et notamment de la gravité relative et du lieu des infractions, des dates respectives des demandes, de la nationalité de la personne réclamée et de la possibilité d'une extradition ultérieure vers un autre Etat.

Article 20

Frais

1. Les frais occasionnés par l'extradition sur le territoire de la Partie requise sont à la charge de cette Partie jusqu'au moment de la remise.
2. Les frais occasionnés par le transit sur le territoire de la Partie requise du transit sont à la charge de la Partie requérante.
3. Si au cours de l'exécution d'une demande d'extradition, il apparaît que des frais de nature extraordinaire sont requis pour satisfaire à la demande, les Parties se consultent pour fixer les termes et conditions selon lesquels l'exécution de la demande peut se poursuivre.

Article 21

Relations avec d'autres traités ou accords internationaux

Le présent Traité ne porte pas atteinte aux droits et engagements résultant pour chaque Partie de tout autre traité, convention ou accord.

Article 22

Règlement des différends

Tout différend résultant de l'exécution ou de l'interprétation du présent Traité est réglé au moyen de consultations par la voie diplomatique.

Article 23

Application dans le temps

Le présent Traité s'applique à toute demande d'extradition présentée après son entrée en vigueur, même si les infractions auxquelles elle se rapporte ont été commises antérieurement.

Article 24

Entrée en vigueur et dénonciation

1. Chacune des deux Parties notifiera à l'autre l'accomplissement des procédures requises par son droit interne pour l'entrée en vigueur du présent Traité.
2. Le présent Traité entrera en vigueur le premier jour du deuxième mois suivant la date de réception de la dernière de ces notifications.
3. Chacune des deux Parties pourra dénoncer le présent Traité à tout moment par une notification écrite adressée à l'autre Partie par la voie diplomatique. Dans ce cas, la dénonciation prendra effet le premier jour du sixième mois suivant la date de réception de ladite notification. Les demandes d'extradition qui auront été reçues avant la date d'effet de la dénonciation du présent Traité seront néanmoins traitées conformément aux termes de celle-ci.

FAIT à Ha Noi, le 06/9/2016, en double exemplaire, en langues vietnamienne et française, les deux textes faisant également foi.

Pour la République socialiste du Viet Nam	**Pour la République française**
LE QUY VUONG	ANDRE VALLINI